

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 203/2026/DS-ST
Ngày 30-6-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Diễm;
- Ông Lữ Văn Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1996; địa chỉ: Số A, đường N, tổ C, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1994; địa chỉ: Số H, tổ H, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Thanh L là bạn bè chơi chung với nhau. Ông L có vay tiền bà H nhiều lần. Ngày 11/3/2025, bà H có cho ông L vay số tiền gốc là 40.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 năm từ ngày 11/3/2025 đến 11/3/2026, trong đó tháng 12/2025 ông L phải trả số tiền gốc là 15.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại trả trước ngày 11/3/2026. Lãi suất là 1.5%/tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền và ký, ghi họ tên bên cho vay là bà Nguyễn Ngọc H và bên vay là ông Nguyễn Thanh L. Cùng ngày 11/3/2025, bà H đã giao đủ số tiền

40.000.000 đồng cho ông L, hình thức giao tiền: Bằng tiền mặt do ông L trực tiếp nhận.

Sau khi nhận tiền, ông L không trả nợ gốc và cũng không trả lãi cho bà H. Bà H nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông L không thực hiện. Sau nhiều lần ông L không trả lãi nên ngày 11/8/2025, hai bên ký thêm bảng cam kết trả nợ để xác định là ông L có nợ bà H số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Sau khi viết cam kết ngày 11/8/2025, ông L không trả lãi mà cũng không liên lạc với bà H. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);

2. Buộc ông Nguyễn Thanh L phải trả số tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận với lãi suất là 1,5%/tháng, từ tính ngày 11/3/2025 đến ngày 11/3/2026 là: 40.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 12 tháng = 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Sau ngày 11/3/2026, bà H không yêu cầu ông L trả lãi.

Ông L không thể chấp tài sản, giấy tờ gì cho bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu gì đối với vụ án.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai đề ngày 26/6/2026 ông L trình bày: Ông L thống nhất có vay của bà Nguyễn Ngọc H số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Ông L đồng ý trả cho bà H tiền gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất là 7.200.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Tòa án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Nguyễn Ngọc H** yêu cầu bị đơn ông **Nguyễn Thanh L** trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 11/3/2025 đến ngày 11/3/2026 theo mức lãi suất 1.5%/tháng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông **Nguyễn Thanh L** có nơi cư trú tại **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Bà **Nguyễn Ngọc H** yêu cầu ông **Nguyễn Thanh L** trả số tiền gốc 40.000.000 đồng theo “Giấy vay tiền” ngày 11/3/2025 và lãi suất tính từ ngày 11/3/2025 đến ngày 11/3/2026 theo mức lãi suất là 1.5%/tháng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu là “Giấy vay tiền” ngày 11/3/2023 và “Bảng cam kết trả nợ” ngày 11/8/2025.

[2.2] Giấy vay tiền ngày 11/3/2025 có nội dung: Bên A (bà **Nguyễn Ngọc H**) cho bên B (ông **Nguyễn Thanh L**) vay số tiền 40.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 năm từ ngày 11/3/2025 đến ngày 11/3/2026 (trong đó tháng 12/2025 bên B phải trả trước cho bên A số tiền 15.000.000 đồng). Lãi suất là 1.5%/tháng, bên B phải trả lãi cho bên A định kỳ vào ngày 30 hàng tháng, bằng hình thức chuyển khoản.

[2.3] Bảng cam kết trả nợ ngày 11/8/2025 có nội dung: Bên A (bà **Nguyễn Ngọc H**) cho bên B (ông **Nguyễn Thanh L**) vay số tiền 40.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 năm từ ngày 11/3/2025 đến ngày 11/3/2026 (trong đó tháng 12/2025 bên B phải trả trước cho bên A số tiền 15.000.000 đồng và trả 25.000.000 đồng còn lại trước ngày 11/3/2026).

[2.4] Bà **Nguyễn Ngọc H** xác định sau khi vay tiền ông **Nguyễn Thanh L** không trả lãi và gốc theo thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 11/3/2025 nên yêu cầu ông **Nguyễn Thanh L** phải trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/3/2025 đến ngày 11/3/2026 theo mức lãi suất 1,5%/tháng là 7.200.000 đồng. Xét thấy, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông **Nguyễn Thanh L** đồng ý trả cho bà **Nguyễn Ngọc H** số tiền gốc là 40.000.000 đồng và lãi là 7.200.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông **L** nên ghi nhận.

[3]. Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Ngọc H** với ông **Nguyễn Ngọc L1**. Ông **Nguyễn Thanh L** phải trả cho bà **Nguyễn Ngọc H** tổng số tiền 47.200.000 đồng bao gồm nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 7.200.000 đồng.

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông **Nguyễn Thanh L** phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 184, 227, 228, 235, 238, 254, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Ngọc H** đối với bị đơn ông **Nguyễn Thanh L** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

- Ông **Nguyễn Thanh L** có trách nhiệm trả cho bà **Nguyễn Ngọc H** số tiền 47.200.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng), bao gồm nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và lãi suất là 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản nợ, ông **Nguyễn Thanh L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 11/3/2025.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Nguyễn Thanh L** phải chịu 2.360.000đ (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà **Nguyễn Ngọc H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.180.000đ (một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012903 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Vũ Thị Nga